|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2017/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2017*  |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm; số tiền bảo hiểm tối thiểu; kinh phí đóng góp và chế độ quản lý, sử dụng kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy; quản lý Nhà nước về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháyvà văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (sau đây gọi là “doanh nghiệp bảo hiểm”).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

**Điều 3. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tại các doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam và được phép kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm cháy, nổ.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (sau đây gọi là “bên mua bảo hiểm”) và doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Ngoài việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo điều kiện, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu quy định tại Nghị định này, bên mua bảo hiểm có thể tham gia bảo hiểm với điều kiện, mức phí bảo hiểm cháy, nổ, số tiền cao hơn trên cơ sở thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp này, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm tách riêng phần bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm.

4. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này mua bảo hiểm cháy, nổ trên cơ sở thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC**

**Điều 4. Đối tượng được bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

1. Đối tượng được bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là toàn bộ tài sản của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ bao gồm:

a) Nhà, công trình kiến trúc và các trang thiết bị kèm theo; máy móc thiết bị.

b) Các loại hàng hoá, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

2. Đối tượng được bảo hiểm phải được ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.

**Điều 5.** **Số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tối thiểu**

1. Số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tối thiểu là giá trị tính thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm của đối tượng được bảo hiểm quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Trường hợp không xác định được giá thị trường của tài sản thì số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do các bên thoả thuận theo nguyên tắc sau:

a) Đối với đối tượng được bảo hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này thì số tiền bảo hiểm là giá trị tính thành tiền theo giá trị còn lại hoặc giá trị thay thế mới của tài sản tại thời điểm tham gia bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thoả thuận.

b) Đối với đối tượng được bảo hiểm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này thì số tiền bảo hiểm là giá trị tính thành tiền theo khai báo của bên mua bảo hiểm.

**Điều 6. Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

1. Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm cháy, nổ.

2. Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc phải đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Ngoài những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc có thể có các nội dung khác do các bên thoả thuận nhưng không trái với các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 7. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm nếu thiệt hại xảy ra do một trong những nguyên nhân sau:

a) Động đất, núi lửa phun hay những biến động khác của thiên nhiên.

b) Tài sản tự lên men hoặc tự toả nhiệt.

c) Tài sản chịu tác động của một quá trình xử lý có dùng nhiệt.

d) Sét đánh trực tiếp vào tài sản được bảo hiểm nhưng không gây cháy, nổ.

đ) Nguyên liệu vũ khí hạt nhân gây cháy, nổ.

e) Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, thiết bị điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào, kể cả do sét đánh.

g) Những thiệt hại do hành động cố ý gây cháy, nổ của người được bảo hiểm nhằm mục đích đòi bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm.

h) Những thiệt hại do cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ.

i) Những thiệt hại do cháy, nổ gây ra cho bên thứ ba.

k) Những thiệt hại đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính.

l) Những thiệt hại do những biến cố về chính trị, an ninh và trật tự an toàn xã hội gây ra.

2. Đối với những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu trên, nếu bên mua bảo hiểm có nhu cầu bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm thì các bên có thể thỏa thuận không loại trừ các trách nhiệm bảo hiểm nêu trên và thỏa thuận phí bảo hiểm bổ sung tại hợp đồng bảo hiểm.

**Điều 8. Phí bảo hiểm**

1. Phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc phải được xác định dựa trên số liệu thống kê, bảo đảm khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc xác định phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo từng loại cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

**Điều 9. Giám định tổn thất**

1. Việc giám định tổn thất thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Cơ quan giám định chịu trách nhiệm về kết quả giám định của mình.

2. Việc giám định tổn thất phải bảo đảm trung thực, khách quan, khoa học, kịp thời, chính xác.

3. Kết quả giám định tổn thất phải được thể hiện trong biên bản giám định.

**Điều 10. Quyền của bên mua bảo hiểm**

1. Lựa chọn doanh nghiệp bảo hiểm để mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

4. Thoả thuận với doanh nghiệp bảo hiểm về những nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

5. Được tính chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc vào giá thành sản phẩm, dịch vụ đối với cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc vào chi thường xuyên của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 11. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm**

1. Tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm.

5. Thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

6. Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Quyền của doanh nghiệp bảo hiểm**

1. Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và phù hợp với phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

3. Từ chối bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở chưa được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng.

b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

c) Cơ sở đang bị đình chỉ hoặc tạm bị đình chỉ hoạt động do vi phạm nghiêm trọng các quy định về phòng cháy và chữa cháy.

4. Thực hiện chế tài bồi thường bảo hiểm tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị của Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy tại Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy là nguyên nhân gây ra rủi ro cháy, nổ.

5. Từ chối giải quyết bồi thường đối với những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

6. Yêu cầu bên mua bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật

**Điều 13. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm**

1. Thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc khi bên mua bảo hiểm có yêu cầu bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

3. Chi trả bồi thường đầy đủ, nhanh chóng và chính xác theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Đóng góp kinh phí để phục vụ cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

5. Giải thích đầy đủ cho bên mua bảo hiểm những thông tin liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và của doanh nghiệp bảo hiểm; cung cấp cho bên mua bảo hiểm nội dung, quy tắc, phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do Bộ Tài chính ban hành.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

7. Định kỳ báo cáo với Bộ Tài chính về kết quả kinh doanh bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo mẫu do Bộ Tài chính quy định.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Mục 2**

**KINH PHÍ ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

**KINH PHÍ ĐÓNG GÓP TỪ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC**

**CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

**Điều 14. Trích nộp kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

1. Doanh nghiệp bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc phải trích nộp kinh phí đóng góp từbảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy*.*

2. Mức trích nộp kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là 1% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực thu của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề năm thực hiện trích nộp của doanh nghiệp bảo hiểm.

3. Việc thực hiện trích nộp kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được thực hiện theo quy định sau:

a) Thời hạn trích nộp:

- Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm: trích nộp 50% tổng số kinh phí phải đóng góp trong năm tài chính từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm: trích nộp số kinh phí còn lại phải đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộctrong năm tài chính.

b) Kinh phí đóng góp được nộp vào Tài khoản của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Bộ Công an mở tại Kho bạc nhà nước Trung ương.

**Điều 15. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

1. Việc quản lý, sử dung nguồn kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Hàng năm, Bộ Công an (Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) chủ trì lập dự toán thu, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; phối hợp với Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) và Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam để lập kế hoạch sử dụng nguồn kính phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.

3. Nguồn kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy như sau:

a) Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 40% nguồn kinh phí thực thu từ các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

b) Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức phòng cháy, chữa cháy và chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Chi cho nội dung này không vượt quá 30% nguồn kinh phí thực thu từ các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

c) Hỗ trợ công tác điều tra nguyên nhân vụ cháy; công tác giám sát, kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy và việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chi cho nội dung này không vượt quá 20% nguồn kinh phí thực thu từ các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

d) Hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Chi cho nội dung này không vượt quá 10% nguồn kinh phí thực thu từ các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

4. Kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy cuối năm chưa sử dụng hết cho từng nội dung quy định tại khoản 3 Điều này thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho nội dung đó.

**Mục 3**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN**

**TRONG VIỆC THỰC HIỆN BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC**

**Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Chủ trì và phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Kiểm tra, giám sát việc thu, nộp và sử dụng kinh phí thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn xây dựng quy tắc, mức phí, chế tài bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Nghị định này.

4. Phối hợp với Bộ Công an tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

5. Kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, xử phạt kịp thời các doanh nghiệp bảo hiểm không bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

6. Chỉ đạo Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm phối hợp với Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam xây dựng kế hoạch hàng năm sử dụng kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

**Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy và kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Chỉ đạo Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đóng góp cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam xây dựng kế hoạch hàng năm sử dụng kinh phí đóng góp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 18 Nghị định này.

c) Quý 4 hàng năm thông báo danh sách các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong phạm vi cả nước cho doanh nghiệp bảo hiểm thông qua Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; đôn đốc các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

**Điều 18. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp tổ chức kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của Nghị định này.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an tổ chức thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và áp dụng các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất do cháy, nổ gây ra.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp**

Các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng.

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và Điều 2 Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

3. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 214/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

**Điều 22.** **Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG**       **Nguyễn Xuân Phúc**   |